



<b>BẢN TIN HẢI QUAN</b> Số 0716 (Từ 29/02 - 05/03/2016)	<b>Nội dung</b> <b>VĂN BẢN PHÁP LÝ VỀ HẢI QUAN</b> <b>VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý</b>	<b>Trang</b> 1 2
---	--	------------------------



## VĂN BẢN PHÁP LÝ VỀ HẢI QUAN

Công văn 271/GSQL-GQ2 Ngày 01/03/2016	Hướng dẫn doanh nghiệp chế xuất thuê kho.
Công văn 273/GSQL-TH Ngày 01/03/2016	Hướng dẫn người khai hải quan đối với trường hợp khai báo tờ khai vận chuyên hàng hóa.
Công văn 277/GSQL-GQ2 Ngày 02/03/2016	Hướng dẫn thực hiện báo cáo quyết toán theo Thông tư số 38/2015/TT-BTC.
Công văn 358/TXNK-CST Ngày 02/03/2016	Hướng dẫn xử lý thuế mặt hàng gỗ xuất khẩu quá 365 ngày.
Công văn 1362/TCHQ-TXNK Ngày 25/02/2016	Giá tính thuế mặt hàng lớp ô tô.
Công văn 1365/TCHQ-GSQL Ngày 25/02/2016	Hướng dẫn thủ tục nhập khẩu phế liệu sau khi thanh thải từ tàu cầu Wealthy Globe tại vùng biển Vũng Tàu.
Công văn 1367/TCHQ-TXNK Ngày 25/02/2016	Hướng dẫn thông quan lô hàng vướng mắc cưỡng chế thuế.
Công văn 1371/TCHQ-TXNK Ngày 26/02/2016	Hướng dẫn giá tính thuế lớp ô tô NK.
Công văn 1379/TCHQ-TXNK Ngày 26/02/2016	Hướng dẫn thuế GTGT mặt hàng xơ bông.
Công văn 1390/TCHQ-TXNK Ngày 26/02/2016	Hướng dẫn xác định trước mã số hàng hóa.
Công văn 1391/TCHQ-TXNK Ngày 26/02/2016	Hướng dẫn xác định trước mã số hàng hóa.
Công văn 1501/TCHQ-GSQL Ngày 29/02/2016	Báo cáo quyết toán NVL theo năm tài chính và triển khai thực hiện Quyết định số 1966/QĐ-TCHQ.
Công văn 1542/TCHQ-TXNK Ngày 01/03/2016	Hướng dẫn thuế GTGT mặt hàng amoni clorua.
Công văn 1580/TCHQ-TXNK Ngày 02/03/2016	Hướng dẫn xử lý nợ thuế.
Công văn 2496/BTC-TCHQ Ngày 24/02/2016	Phúc đáp công văn số 89/CV-VIS của Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Phát Vissal.
Công văn 2610/BTC-TCHQ Ngày 26/02/2016	Phân loại mặt hàng Enzyme dùng trong SX xà phòng, bột giặt.



## VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý

<b>Hướng dẫn thuế GTGT mặt hàng amoni clorua.</b>	Công văn này hướng dẫn về chính sách quản lý mặt hàng, phân loại hàng hoá, thuế giá trị gia tăng (GTGT) đối với mặt hàng amoni clorua, theo đó: <b>1) Về phân loại và áp dụng thuế nhập khẩu.</b> Ngày 19/11/2015, Tổng cục Hải quan đã có công văn số 10959/TCHQ-TX
---	--



NK gửi Cục Hải quan các tỉnh, thành phố hướng dẫn phân loại mặt hàng amoni clorua thuộc mã 2827.10.00.

## **2) Về chính sách quản lý hàng nhập khẩu.**

2.1) Trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu mặt hàng amoni clorua khai báo là phân bón amoni clorua thì thực hiện theo đúng chính sách quản lý nhập khẩu mặt hàng phân bón quy định tại Nghị định số 202/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ và Thông tư số 29/2014/TT-BCT ngày 30/9/2014 của Bộ Công Thương. Theo đó, đối với phân bón vô cơ, khi nhập khẩu, ngoài các giấy tờ, tài liệu theo quy định hiện hành tại Luật Hải quan năm 2014, Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ, Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính, tổ chức, cá nhân nhập khẩu phân bón vô cơ phải xuất trình cho cơ quan Hải quan giấy tờ, tài liệu sau:

a) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, trong đó có ngành nghề về kinh doanh phân bón do cơ quan có thẩm quyền cấp, chỉ xuất trình khi nhập khẩu lần đầu;

b) Bản sao Giấy chứng nhận hợp quy lô phân bón nhập khẩu do tổ chức chứng nhận được chỉ định cấp.

2.2. Trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu mặt hàng amoni clorua khai báo là hóa chất, mã số khai báo thuộc nhóm 2827 thì căn cứ Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08/4/2011 của Chính phủ, mặt hàng có mã số thuộc nhóm 2827 thuộc Danh mục hóa chất phải thực hiện khai báo hóa chất theo hướng dẫn tại Thông tư số 40/2011/TT-BCT ngày 14/11/2011 của Bộ Công Thương.

## **3) Về thuế GTGT.**

Ngày 07/12/2011, Bộ Tài chính có công văn số 16672/BTC-CST hướng dẫn về thuế GTGT đối với mặt hàng amon clorua. Theo đó, amon clorua, tên tiếng Anh là Ammonium Chloride và công thức hóa học là  $NH_4Cl$ , có hàm lượng đạm tổng số (N): 25% thuộc diện áp dụng thuế suất thuế GTGT 5% theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Luật Thuế GTGT số 13/2008/QH12.

Ngày 26/6/2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 83/2014/TT-BTC kèm Biểu thuế GTGT thì mặt hàng amoni clorua thuộc nhóm 2827.10.00, áp dụng thuế suất thuế GTGT 10%.

Tuy nhiên, theo khoản 1 Điều 4 Thông tư số 83/2014/TT-BTC quy định: *“Trường hợp hàng hóa được quy định cụ thể thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng hoặc áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 5% hoặc 10% theo quy định của Luật thuế giá trị gia tăng và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật thuế giá trị gia tăng thì thực hiện theo quy định tại các văn bản đó”*.

Tại Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 (hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015) có sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế GTGT số 13/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 31/2013/QH13 như sau:

*“1. Bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 Điều 5 như sau:*

*“3a. Phân bón; máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp; tàu đánh bắt xa bờ; thức ăn gia súc, gia cầm và thức ăn cho vật nuôi khác;*

*2. Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 8 như sau:*



Công văn 1542/TCHQ-TXNK  
Ngày 01/03/2016  
Hướng dẫn xử lý nợ thuế.

“b) Quặng để sản xuất phân bón; thuốc phòng trừ sâu bệnh và chất kích thích tăng trưởng vật nuôi, cây trồng;

3. Bãi bỏ điểm c và điểm k khoản 2 Điều 8.”

Theo đó, phân bón thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Theo quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư số 42/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/6/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì mặt hàng phân bón amoni clorua (NH<sub>4</sub>CL) có thành phần, hàm lượng đăng ký N: 25% thuộc Danh mục phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam.

Theo quy định tại Phụ lục 13 “Chỉ tiêu kỹ thuật, phương pháp thử phân bón vô cơ” ban hành kèm theo Thông tư số 29/2014/TT-BCT ngày 30/9/2014 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thực hiện một số điều về phân bón vô cơ, hướng dẫn việc cấp phép sản xuất phân bón vô cơ đồng thời sản xuất phân bón hữu cơ và phân bón khác tại Nghị định số 202/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ về quản lý phân bón thì: Hàm lượng N tổng theo % khối lượng trong phân amoni clorua bón rải không nhỏ hơn 25%.

Do vậy, mặt hàng phân bón amoni clorua, công thức hóa học là NH<sub>4</sub>CL, có thành phần, hàm lượng đăng ký N không nhỏ hơn 25% thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT theo quy định tại Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13.

Công văn này hướng dẫn xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp của 05 lô hàng kính xây dựng và 02 lô hàng gạch lát nền của Công ty TNHH Vĩnh Thắng, theo đó:

## 1. Về xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp:

Khoản 3 Điều 65, điểm c khoản 2 Điều 67 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 20, khoản 22 Điều 1 Luật số 21/2012/QH13 quy định:

- Một trong các trường hợp được xóa nợ là: “3. Các khoản nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt của người nộp thuế không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 65 Luật này mà cơ quan quản lý thuế đã áp dụng tất cả các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế quy định tại khoản 1 Điều 93 của Luật này và các khoản nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt này đã quá mười năm, kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế, nhưng không có khả năng thu hồi.”

- “Tổng cục trưởng Tổng cục thuế, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan xóa nợ đối với trường hợp người nộp thuế nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt dưới năm tỷ đồng”.

Theo quy định nêu trên, đối chiếu với trường hợp của Công ty TNHH Vĩnh Thắng đang có nợ tiền thuế, tiền chậm nộp của 05 lô hàng kính xây dựng và 02 lô hàng gạch lát nền là 4.030.347.800 đồng đã quá 10 năm nhưng chưa áp dụng đủ các biện pháp cưỡng chế nên không thuộc đối tượng xóa nợ.

## 2. Về xử lý nợ:

- Khoản 4 Điều 92 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 25 Điều 1 Luật số 21/2012/QH13 quy định: “Chưa thực hiện biện pháp cưỡng chế thuế đối với trường hợp người nộp thuế được cơ quan quản lý thuế cho phép nộp dần tiền nợ thuế trong thời hạn không quá mười hai tháng, kể từ ngày bắt đầu của thời hạn cưỡng chế thuế. Việc nộp



dần tiền nợ thuế được xem xét trên cơ sở đề nghị của người nộp thuế và phải có bảo lãnh của tổ chức tín dụng. Người nộp thuế phải nộp tiền chậm nộp theo mức 0,05%/ngày tính trên số tiền thuế chậm nộp”.

- Khoản 5 Điều 46 Nghị định 127/2013/NĐ-CP ngày 15/10/2013 của Chính phủ quy định: “5. Việc tạm dừng áp dụng biện pháp cưỡng chế dừng làm thủ tục hải quan đảm bảo: Không có nợ thuế quá hạn, tiền chậm nộp, tiền phạt của các lô hàng khác; phải nộp thuế trước khi thông quan đối với lô hàng đang làm thủ tục; số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đang còn nợ phải được tổ chức tín dụng bảo lãnh theo quy định”.

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Thông tư 190/2013/TT-BTC ngày 12/12/2013 của Bộ Tài chính thì trường hợp chưa thực hiện biện pháp cưỡng chế; tạm dừng áp dụng biện pháp cưỡng chế dừng làm thủ tục hải quan gồm:

“a) Người nộp thuế thuộc đối tượng bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế được cơ quan Hải quan cho phép nộp dần tiền thuế nợ theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế;

b) Người nộp thuế đã được tạm dừng áp dụng biện pháp cưỡng chế dừng làm thủ tục hải quan theo quy định khoản 5 Điều 46 Nghị định”.

Theo quy định trên, các khoản nợ thuộc các lô hàng nêu trên của Công ty đã quá hạn quá 90 ngày nhưng Công ty không có khả năng nộp thuế đúng hạn thì đề nghị Công ty lựa chọn một trong hai phương án xử lý nợ quy định tại khoản 1 Điều 33 Thông tư 190/2013/TT-BTC nêu trên và liên hệ với cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai để được hướng dẫn, xem xét chưa thực hiện biện pháp cưỡng chế hoặc tạm dừng áp dụng biện pháp cưỡng chế dừng làm thủ tục hải quan.

**Công văn 1580/TCHQ-TXNK**  
**Ngày 02/03/2016**